

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRẦN ĐẠI NGHĨA**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**ĐỒ ÁN MÔN HỌC**

**THỰC TẬP LẬP TRÌNH WEB**

**TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG 12 NĂM 2020**

**ĐỀ TÀI:**

**XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÍ QUÁN CÀ PHÊ**



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRẦN ĐẠI NGHĨA**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**ĐỒ ÁN MÔN HỌC**

**THỰC TẬP LẬP TRÌNH WEB**

**Nhóm báo cáo:**

**Nguyễn Tiểu Phụng**

**Huỳnh Đức Anh Tuấn**

**Giảng viên hướng dẫn:**

**Th.s Trần Vũ Đại**

**TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG 12 NĂM 2020**

**ĐỀ TÀI:**

**XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÍ QUÁN CÀ PHÊ**



LỜI CẢM ƠN

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến thầy cô giảng viên trong khoa Công nghệ thông tin trường Đại học Trần Đại Nghĩa. Và đặc biệt là thầy Thạc sĩ Trần Vũ Đại – giảng viên học phần “Thực tập lập trình web” đã tận tình hướng dẫn, truyền đạt kiến thức và kỹ năng cần thiết để em có thể hoàn thành đồ án môn học này.

Tuy nhiên, trong quá trình tìm hiểu và nghiên cứu đề tài, do kiến thức chuyên ngành và thời gian còn hạn chế em vẫn còn nhiều thiếu sót trong quá trình tìm hiểu, thực hiện, đánh giá và trình bày về đề tài. Rất mong được sự quan tâm, góp ý của các thầy cô và giảng viên bộ môn để đồ án môn học của em được hoàn chỉnh hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

MỞ ĐẦU

1. **Lý do chọn đề tài**

- Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của Internet, ngày nay, việc sở hữu một Website không còn là điều xa lạ, thậm chí trong một số trường hợp còn là tiêu chuẩn bắt buộc đối với những người kinh doanh trong thời điểm mang tính cạnh tranh như hiện nay.

1. **Chức năng**

Đây là một website bán và giới thiệu sản phẩm của quán coffee với các chi tiết mặt hàng với giá cả chính xác có các chứng năng sau:

* Cho phép cập nhật hàng vào CSDL
* Hiển thị danh sách sản phẩm theo từng loại
* Hiển thị sản phẩm khách hàng đã chọn mua
* Hiển thị thông tin khách hàng
* Quản lý đơn đặt hàng
* Cập nhật hàng hóa, nhà sản xuất, loại hàng, tin tức
* Xử lý đơn hàng
* Thống kê doanh số theo ngày, theo tháng.

1. **Cấu trúc đồ án**

* Chương 1: Tổng quan về ngôn ngữ PHP
* Chương 2: Phân tích và thiết kế hệ thống website
* Chương 3: Cài đặt cơ sở dữ liệu và giao diện người dùng

# **MỤC LỤC**

[CHƯƠNG 1 – TỔNG QUAN 1](#_Toc57837102)

[1.1. Tổng quan về ngôn ngữ PHP 1](#_Toc57837103)

[1.1.1. Lịch sử phát triển 1](#_Toc57837104)

[1.1.2. Nguyên tắt hoạt động 2](#_Toc57837105)

[1.1.3. Những đặc điểm của thiết kế web bằng PHP 4](#_Toc57837106)

[1.2. Tổng quan về Bootstrap 6](#_Toc57837107)

[1.2.1. Bootstrap là gì? 6](#_Toc57837108)

[1.2.2. Lịch sử hình thành framework Bootstrap 7](#_Toc57837109)

[1.2.3. Tính năng của Bootstrap 7](#_Toc57837110)

[1.2.4. Cấu trúc và chức năng 8](#_Toc57837111)

[1.3. Lumino Template 8](#_Toc57837112)

[1.4. PHP MyAdmin 9](#_Toc57837113)

[1.4.1. Khái niệm 9](#_Toc57837114)

[1.4.2. Ưu điểm của phpMyAdmin 10](#_Toc57837115)

[1.4.3. Nhược điểm của phpMyAdmin 10](#_Toc57837116)

[1.4.4. Cài đặt phpMyAdmin 11](#_Toc57837117)

[1.4.5. Các chức năng chính của phpMyAdmin 11](#_Toc57837118)

[CHƯƠNG 2 – PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG 14](#_Toc57837119)

[2.1. Khảo sát và phần tích yêu cầu hệ thống 14](#_Toc57837120)

[2.1.1. Sơ đồ tổ chức cũ của quán cà phê 15](#_Toc57837121)

[2.1.2. Chức năng của các tổ trong quán cà phê 15](#_Toc57837122)

[2.1.3. Nghiệp vụ của quán cà phê 16](#_Toc57837123)

[2.1.4. Nhận xét, đánh giá hiện trạng hệ thống 16](#_Toc57837124)

[2.2. Thiết kế hệ thống 18](#_Toc57837125)

[2.2.1. Mô hình USE-CASE 18](#_Toc57837126)

[2.2.2. Sơ đồ trình tự 30](#_Toc57837127)

[2.2.3. Thiết kế cơ sở dữ liệu 49](#_Toc57837128)

[2.2.4. Thiết kế giao diện 50](#_Toc57837129)

[CHƯƠNG 3 – CÀI ĐẶT 51](#_Toc57837130)

[3.1. Cơ sở dữ liệu 51](#_Toc57837131)

[3.2. Giao diện người dùng 52](#_Toc57837132)

[3.2.1. Trang chủ 52](#_Toc57837133)

[3.2.2. Trang sản phẩm mới 53](#_Toc57837134)

[3.2.3. Trang các sản phẩm bán chạy 54](#_Toc57837135)

[3.2.4. Trang khuyến mãi 54](#_Toc57837136)

[3.2.5. Trang sản phẩm theo danh mục 55](#_Toc57837137)

[3.2.6. Trang giỏ hàng 56](#_Toc57837138)

[3.2.7. Trang thông tin thanh toán 56](#_Toc57837139)

[3.2.8. Trang đăng ký khách hàng 57](#_Toc57837140)

[3.2.9. Trang đăng nhập khách hàng 57](#_Toc57837141)

[3.3. Giao diện quản lí 58](#_Toc57837142)

[3.3.1. Trang đăng nhập quản lí 58](#_Toc57837143)

[3.3.2. Trang chủ 58](#_Toc57837144)

[3.3.3. Trang danh mục sản phẩm 59](#_Toc57837145)

[3.3.4. Trang thêm danh mục mới 59](#_Toc57837146)

[3.3.5. Trang sản phẩm 60](#_Toc57837147)

[3.3.6. Trang thêm sản phẩm mới 60](#_Toc57837148)

[3.3.7. Trang quản lí Slide 61](#_Toc57837149)

[3.3.8. Trang đơn đặt hàng 61](#_Toc57837150)

[3.3.9. Trang xử lí đơn hàng 62](#_Toc57837151)

[3.3.10. Trang quản lí khách hàng 62](#_Toc57837152)

[3.3.11. Trang quản lí nhân viên 63](#_Toc57837153)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 64](#_Toc57837154)

CHƯƠNG 1 – TỔNG QUAN

1. Tổng quan về ngôn ngữ PHP
   1. Lịch sử phát triển

* PHP - viết tắt hồi quy của "Hypertext Preprocessor", là một ngôn ngữ lập trình kịch bản được chạy ở phía server nhằm sinh ra mã html trên client. PHP đã trải qua rất nhiều phiên bản và được tối ưu hóa cho các ứng dụng web, với cách viết mã rõ ràng, tốc độ nhanh, dễ học nên PHP đã trở thành một ngôn ngữ lập trình web rất phổ biến và được ưa chuộng.
* PHP chạy trên môi trường Webserver và lưu trữ dữ liệu thông qua hệ quản trị cơ sở dữ liệu nên PHP thường đi kèm với Apache, MySQL và hệ điều hành Linux (LAMP).
* Apache là một phần mềm web server có nhiệm vụ tiếp nhận request từ trình duyệt người dùng sau đó chuyển giao cho PHP xử lý và gửi trả lại cho trình duyệt.
* MySQL cũng tương tự như các hệ quản trị cơ sở dữ liệu khác (Postgress, Oracle, SQL server...) đóng vai trò là nơi lưu trữ và truy vấn dữ liệu.
* Linux: Hệ điều hành mã nguồn mở được sử dụng rất rộng rãi cho các webserver. Thông thường các phiên bản được sử dụng nhiều nhất là RedHat Enterprise Linux, Ubuntu... PHP được phát triển từ một sản phẩm có tên là PHP/FI. PHP/FI do Rasmus Lerdorf tạo ra năm 1995 được viết bằng C và được sửa lại năm 1997.
* PHP 3.0: Được Andi Gutmans và Zeev Suraski tạo ra năm 1997 sau khi viết lại hoàn toàn bộ mã nguồn trước đó. Lý do chính mà họ đã tạo ra phiên bản này là do họ nhận thấy PHP/FI 2.0 không mở rộng được trong việc phát triển các ứng dụng thương mại điện tử. PHP 3.0 như là phiên bản thế hệ kế tiếp của PHP/FI 2.0, và chấm dứt phát triển PHP/FI 2.0. PHP 3.0 cung cấp cho người dùng cuối một cơ sở hạ tầng dùng cho nhiều cơ sở dữ liệu, giao thức và API khác nhau. Cho phép người dùng có thể mở rộng theo module. Chính điều này làm cho PHP3 thành công so với PHP2. Lúc này chính thức đặt tên ngắn gọn là PHP (Hypertext Preprocessor).
* PHP4: Được công bố năm 2000 tốc độ xử lý được cải thiện, PHP 4.0 đem đến các tính năng chủ yếu khác gồm có hỗ trợ nhiều máy chủ web, hỗ trợ session HTTP, tạo output buffering, nhiều cách xử lý dữ liệu input bảo mật hơn và cung cấp một vài các cấu trúc ngôn ngữ mới. Với PHP 4, số nhà phát triển dùng PHP lên đến hàng trăm nghìn và hàng triệu trang web dùng PHP, chiếm 20% số tên miền trên mạng Internet. Team phát triển PHP lên tới con số hàng nghìn người và nhiều người khác tham gia vào các dự án có liên quan đến PHP như PEAR, PECL và tài liệu cho PHP.
* PHP5: Bản chính thức ra mắt ngày 13 tháng 7 năm 2004 sau một chuỗi các bản kiểm thử bao gồm Beta 4, RC 1, RC2, RC3. Mặc dù đây là phiên bản sản xuất đầu tiên nhưng PHP 5.0 vẫn còn một số lỗi, đáng kể là lỗi xác thực HTTP.
  1. Nguyên tắc hoạt động
* Khi người sử dụng gọi trang PHP, Web Server sẽ triệu gọi PHP Engine để thông dịch dịch trang PHP và trả kết quả cho người dùng như hình bên dưới.

|  |
| --- |
| hoc lap trinh php |
| Hình 1.1 Nguyên lý hoạt động của PHP |

* Các bước cài đặt Web server:
* Bước 1: Download XAMPP tại: https://www.apachefriends.org/download.html và tiến hành cài đặt như các chương trình thông thường.
* Bước 2: Start Apache và MySQL trong XAMPP control panel.

|  |
| --- |
|  |
| Hình 1.2 Khởi động web server với xampp |

* Bước 3: Gõ vào trình duyệt địa chỉ localhost. Nếu hiện ra màn hình sau thì việc cài đặt đã thành công.

|  |
| --- |
|  |
| Hình 1.3 Giao diện trang chủ localhost |

* Bước 4: Vào thư mục cài đặt XAMPP/htdocs và tiến hành tạo file test.php với nội dung như sau:

|  |
| --- |
|  |

* Gõ trên trình duyệt địa chỉ localhost/test.php. Nếu hiện ra dòng chữ Hello World nghĩa là ứng dụng PHP đầu tiên đã chạy thành công.

|  |
| --- |
|  |
| Hình 1.4 ứng dụng Hello World |

* 1. Những đặc điểm của thiết kế web bằng PHP

1. Website được thiết kế bằng PHP ít mã code, dễ sử dụng

* Do được tối ưu hóa cho các ứng dụng web, tốc độ nhanh, nhỏ gọn, cú pháp giống C và Java, dễ học và thời gian xây dựng sản phẩm tương đối ngắn hơn so với các ngôn ngữ khác nên PHP đã nhanh chóng trở thành một ngôn ngữ lập trình (thiết kế) web phổ biến nhất thế giới.

|  |
| --- |
| PHP Website Development Company | BVM Web Solutions |
| Hình 1.5 - a đặc điểm của thiết kế web bằng PHP |

* Website được thiết kế bằng PHP có thời gian hoàn thiện rất nhanh vì nó sử dụng khá ít mã code, có khả năng tùy chọn bộ nhớ khi xây dựng.

1. Sự tương thích tuyệt vời của PHP với ngôn ngữ và trình duyệt web

* PHP (Hypertext Preprocessor) là một ngôn ngữ lập trình mã nguồn mở dùng để phát triển các ứng dụng web. Là một ngôn ngữ lập trình web phổ biến nhất hiện nay bởi sự đơn giản thân thiện và tương thích cao với mọi ngôn ngữ, trình duyệt web.
* Ngày nay có rất nhiều ngôn ngữ kịch bản được sử dụng trên thế giới như .Net, Java, C++ … Tuy nhiên phần lớn các nhà phát triển sử dụng ngôn ngữ PHP làm nền tảng chính để thiết kế web cho mình. Các trang web sử dụng PHP rất thân thiện, bạn không cần phải lo lắng về vấn đề tương thích giữa các trình duyệt. Ngôn ngữ PHP có khả năng tương thích rất cao với những trình duyệt phổ biến hiện nay như Fifefox, Chrome hoặc cả Cốc Cốc của Việt Nam.

|  |
| --- |
| Ưu điểm của thiết kế website bằng PHP |
| Hình 1.5 - b đặc điểm của thiết kế web bằng PHP |

1. Thiết kế web PHP nhanh chóng, giá thành rẻ

* Một lợi thế rất lớn của ngôn ngữ mã nguồn mở PHP cung cấp là tính cộng đồng. PHP được phát triển và tối ưu liên tục từ các nhà phát triển trên toàn thế giới khiến cho nó vô cùng thân thiện với mọi người và ngày càng hoàn thiện hơn.
* Người dùng có thể rút ngắn được rất nhiều thời gian phát triển thiết kế web và tối ưu hóa trang web cho mình thông qua việc thiết kế web với PHP.

|  |
| --- |
| PHP development company | PHP Web Development Services India |
| Hình 1.5 - c đặc điểm của thiết kế web bằng PHP |

1. Thiết kế web PHP rất thông dụng và là lựa chọn ưu việt cho người dùng
2. Tổng quan về Bootstrap
3. Bootstrap là gì?

* Bootstrap là một framework được phát triển bởi Twitter mà Twitter thì nó là mạng xã hội nổi tiếng tương tự như facebook. Bootstrap là một tập hợp các thuộc tính, giá trị có sẵn giúp các web designer tiết kiệm thời gian thực hiện một dự án web không phải tạo thêm các đoạn mã css, javascript, html, Font trong khi chúng lặp đi lặp lại.
* Cũng giống như hầu hết các framework hiện nay, bootstrap là một framework thuộc dạng Open Source. Chính vì vậy chúng ta có thể sử dụng miễn phí mà không lo vấn đề bản quyền mà lại hoàn toàn miễn phí cũng như được nâng lên các phiên bản cao hơn.

1. Lịch sử hình thành framework Bootstrap

* Bootstrap ban đầu có tên Twitter Blueprint , được phát triển bởi Mark Otto và Jacob Thornton làm việc tại Twitter trong khuôn khổ tạo ra sản phẩm có tính thống nhất cao và là sản phẩm cây nhà lá vườn của chính Twitter. Lý do hình thành là do có quá nhiều thư viện khác nhau dấn đến mỗi lần nâng cấp thì sẽ làm ảnh hưởng rất lớn tới sản phẩm của công ty và từ đó Mark Otto và Jacob Thornton đã nghiên cứu và cho ra đời framework bootstrap.
* Sau một vài tháng phát triển bởi một nhóm nhỏ, nhiều nhà phát triển tại Twitter đã bắt đầu đóng góp cho dự án như công việc hàng ngày của các nhà phát triển Twiitter.
* Twitter Blueprint được phát hành chính thức vào ngày 19 tháng 8 năm 2011 dưới dạng Open Source tức là mã nguồn mở với tên mới: Bootstrap.
* Kể từ đó nó vẫn được tiếp tục duy trì phát triển bởi nhóm nhỏ các nhà phát triển cốt lõi cũng như cộng đồng rộng lớn đóng góp vào framework.
* Đến 31 tháng 1 năm 2012 thì phiên bản Bootstrap 2 được phát hành. Phiên bản này được thêm vào các bố trí dạng lưới 12 cột với thiết kế tùy biến responsive cho nhiều màn hình kích thước.
* Tiếp sau bản số 2 là bản Bootstrap 3 được công bố vào 19 tháng 8 năm 2013 với xu hướng phù hợp với thiết bị di động thông minh.
* Vào ngày 29 tháng 10 2014, Mark Otto công bố bản kế tiếp là Bootstrap 4 đang được phát triển. Các phiên bản alpha đầu tiên của Bootstrap 4 được triển khai trên 19 tháng 8 năm 2015.

1. Tính năng của Bootstrap

* Bootstrap tương thích hầu hết các trình duyệt hiện đại ngày nay như: Google Chrome, Firefox, Internet Explorer, Opera, Safai, Edge, …
* Khả năng thích ứng với các kích thước màn hình thiết bị cao như: Điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính.

1. Cấu trúc và chức năng

* Bootstrap được thiết kế theo dạng module, chính vì vậy nó hoàn toàn dễ dàng tích hợp với hầu hết các bộ mã nguồn mở như: WordPress, Joomla, Magento, NukeViet, …
* Bootstrap cho phép bạn tùy chỉnh framework trước khi tải về sử dụng ngay tại trang web của framework.
* Framework đã tích hợp các stylesheets đã được định nghĩa theo cách cơ bản nhất và bạn chỉ việc tích hợp với HTML.
* Tái sử dụng các thành phần trong vấn đề lặp đi lặp lại trên website.
* Tích hợp sẵn Jquery và bạn chỉ việc sử dụng khai báo đúng thì các tính năng nó sẽ có trong quá trình bạn lập trình web.
* Bootstrap định nghĩa sẵn glyphicons giúp giảm tối đa việc sử dụng hình ảnh làm icon và tăng tốc độ tải trang

1. Lumino Template

|  |
| --- |
| Lumino Admin Bootstrap Template 3 Preview 1 |
| Hình 1.6 giao diện Lumino Admin Template |

* Lumino Admin Teamplate được xây dựng bằng HTML5 hiện đại, bao gồm mọi thứ cần cho ban quản trị. Một số tính năng của Lumino là trang tổng quan bảng điều khiển, nhiều tiện ích con, biểu đồ đáp ứng, bảng dữ liệu nâng cao, biểu mẫu, phần tử ui và trang đăng nhập mẫu.

|  |
| --- |
|  |
| Hình 1.7 các nền tảng xây dựng template |

* Lumino được xây dựng trên Bootstrap v.3.3.7 và sử dụng SASS. Có thể dễ dàng tùy chỉnh mẫu cho phù hợp với nhu cầu của người dùng, màu và phông chữ chính có thể được cập nhật bằng các biến SASS đơn giản.

1. PHP MyAdmin
2. Khái niệm

* PhpMyAdmin là một ứng dụng web mã nguồn mở được viết bằng ngôn ngữ PHP dùng để quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và MariaDB. phpMyAdmin có thể dễ dàng truy cập thông qua trình duyệt web với giao diện trực quan, dễ sử dụng. phpMyAdmin là một trong những công cụ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến nhất và được yêu thích nhất do sự tiện lợi và đa năng của nó.
* Phiên bản đầu tiên của phpMyAdmin được phát hành vào năm 1998, cho đến nay đã được nâng cấp rất nhiều để bổ sung tính năng cũng như tăng cường bảo mật. Trang chủ của phpMyAdmin là: https://www.phpmyadmin.net
* phpMyAdmin có thể thực hiện nhiều tác vụ như tạo, chỉnh sửa hoặc xóa bỏ cơ sở dữ liệu, bảng, các trường hoặc bản ghi; nhập xuất cơ sở dữ liệu và quản lý, cấp quyền những người dùng tương tác với cơ sở dữ liệu. Ngoài việc thao tác dễ dàng với các lệnh có sẵn, phpMyAdmin cũng cho phép người dùng thực thi, truy vấn thông qua câu lệnh SQL nếu cần.

1. Ưu điểm của phpMyAdmin

* Dễ dàng truy cập và sử dụng
* PhpMyAdmin được tích hợp sẵn trong hầu hết các gói dịch vụ Hosting, bạn chỉ cần truy cập và sử dụng ngay. Nếu bạn là người quản trị server hoặc đang phát triển ứng dụng trên môi trường localhost, việc cài đặt phpMyAdmin cũng chỉ diễn ra nhanh chóng với vài thao tác đơn giản.
* Để sử dụng phpMyAdmin, bạn chỉ cần truy cập thông qua 1 địa chỉ web (được cung cấp sẵn nếu dùng hosting và tùy chọn nếu dùng server), đăng nhập là có thể bắt đầu thao tác với cơ sở dữ liệu, bạn không cần phải cài đặt thêm bất kì phần mềm nào vào máy tính hay điện thoại. Do đó, phpMyAdmin có thể dễ dàng truy cập bằng máy tính, điện thoại, máy tính bảng, … nếu có kết nối Internet.
* Giao diện của phpMyAdmin cũng rất trực quan và dễ hiểu. Nếu đã có kiến thức cơ bản về quản trị cơ sở dữ liệu, bạn có thể nhanh chóng làm quen và thao tác với phpMyAdmin. Tuy được thiết kế trên giao diện web nhưng phpMyAdmin cũng có đầy đủ chức năng để bạn quản trị từ đơn giản tới phức tạp.
* Hoàn toàn miễn phí
* Bạn không cần phải trả một khoản phí nào để sử dụng phpMyAdmin.
* Nếu là người quản trị server hoặc đang phát triển ứng dụng trên localhost, bạn chỉ cần lên trang chủ của phần mềm, tải về và copy phần mềm vào server/localhost là có thể sử dụng được ngay.
* Đa dạng ngôn ngữ

1. Nhược điểm của phpMyAdmin

* Tính bảo mật chưa cao
* Do là phần mềm mã nguồn mở, nên bất kì ai cũng có thể đọc mã nguồn mà tìm ra lỗ hổng bảo mật của phpMyAdmin nếu có, và hacker có thể lợi dụng và khai thác những lỗ hổng này trong thời gian nó chưa được vá.
* Các tập tin được xuất cơ sở dữ liệu có định dạng văn bản thông thường, không được mã hóa nên sẽ thiếu an toàn.
* Một số thao tác còn hạn chế
* Do được thiết kế trên giao diện web nên một số thao tác còn hạn chế so với việc sử dụng một phần mềm chuyên dụng cài trên máy tính, ví dụ như thực hiện chỉnh sửa bản ghi hàng loạt.
* Bạn có thể khắc phục hạn chế này bằng cách thực thi câu lệnh SQL.

1. Cài đặt phpMyAdmin

* Nếu bạn đang sử dụng các gói dịch vụ hosting thì thường phpMyAdmin đã được tích hợp sẵn, bạn có thể dễ dàng tìm thấy liên kết để truy cập phpMyAdmin trong công cụ quản trị cPanel hoặc DirectAdmin được cung cấp mà không cần cài đặt gì thêm.
* Nếu bạn đang sử dụng các gói dịch vụ như Server, VPS, có thể phpMyAdmin chưa được cài sẵn. Khi đó bạn chỉ cần lên trang chủ https://www.phpmyadmin.net tải về phiên bản mới nhất, sau đó giải nén và copy thư mục của phpMyAdmin lên server.
* Bạn cần thiết lập các thông số cần thiết để phpMyAdmin có thể kết nối với cơ sở dữ liệu trên server. Bạn có thể tự ấn định liên kết dẫn tới phpMyAdmin theo ý muốn để tiện trong việc truy cập.

1. Các chức năng chính của phpMyAdmin

* Sau khi truy cập vào liên kết của phpMyAdmin, bạn cần đăng nhập bằng tài khoản kết nối với cơ sở dữ liệu.
* Sau khi tạo được xong CSDL, tên CSDL của bạn ở phần menu bên trái sẽ được hiện ra. Các bạn ấn vào tên CSDL ở phía tay trái này để có thể truy cập vào trang quản lý CSDL của mình vừa tạo ra

|  |
| --- |
|  |
| Hình 1.8 giao diện hệ quản trị phpmyadmin |

* Ở cột bên trái của giao diện sẽ liệt kê tất cả các cơ sở dữ liệu hiện có trên server. Bạn chọn vào mục “New” để tiến hành thêm cơ sở dữ liệu mới, hoặc click chọn vào một cơ sở dữ liệu nhất định để mở nó.
* Sau khi mở một cơ sở dữ liệu, ở phía bên phải của giao diện sẽ hiện ra các tab tương ứng để thao tác với cơ sở dữ liệu đó, một số tab hay dùng như:
* Tab Structure: hiển thị cấu trúc của cơ sở dữ liệu, danh sách các bảng có trong cơ sở dữ liệu và các thao tác tương ứng với từng bảng. Bạn có thể xem, chỉnh sửa, xóa hoặc thêm 1 bảng mới vào cơ sở dữ liệu. Khi click vào từng bảng trong danh sách này, bạn cũng có thể thực hiện thêm, sửa, xóa các bản ghi trong bảng đó.
* Tab SQL: bạn có thực thi các câu lệnh SQL tại đây
* Tab Search: tìm kiếm dữ liệu trong cơ sở dữ liệu
* Tab Query: thực hiện truy vấn dữ liệu vào cơ sở dữ liệu
* Tab Export: xuất dữ liệu của cơ sở dữ liệu
* Tab Import: nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu
* Tab Operations: cho phép bạn tạo thêm bảng, đổi tên, xóa, sao chép cơ sở dữ liệu
* Tab Privileges: cho phép bạn phân quyền cho các người dùng tương tác với cơ sở dữ liệu
* Tab Designer: mở ER Diagram giúp bạn dễ dàng tạo các liên kết giữa các trường trong bảng

|  |
| --- |
|  |
| Hình 1.9 Giao diện tạo liên kết cơ sở dữ liệu |

CHƯƠNG 2 – PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

1. Khảo sát và phân tích yêu cầu hệ thống

* Phiếu phỏng vấn:
* Địa điểm: quán caffee P&T COFFEE, địa chỉ 137 Hà Huy Giáp, phường Thạnh Lộc, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.
* Người được phỏng vấn: chị Hồ Thị Bích, quản lý của quán

|  |  |
| --- | --- |
| Bảng 2.1 Khảo sát khách hàng | |
| Người hỏi: Huỳnh Đức Anh Tuấn | Người được hỏi: Hồ Thị Bích |
| Câu 1: Chị quản lý số lượng tồn của nguyên liệu, hàng hóa (ly, ống hút, đường gói,...) như thế nào?  Có thường xuyên cập nhật số lượng tồn không? | Quán chúng tôi chỉ ghi chép lại vào sổ sách số kg caffee hoặc trái cây còn lại vào thứ 7 mỗi tuần và ước tính khi nào thì nên nhập thêm hàng. |
| Câu 2: Quán của chị có các loại báo cáo nào? Việc lập báo cáo diễn ra theo tuần hay theo tháng? | Quán chúng tôi lập báo cáo tay hàng tháng. |
| Câu 3: Khách hàng của mình có được quyền đổi món sau khi thanh toán hóa đơn không? | Không được. |
| Câu 4: Hiện tại phần mềm của mình hỗ trợ làm những công việc gì? | Phần mềm hiện tại ở quán chị khá đơn giản, chỉ đặt đồ uống, in hóa đơn và lập báo cáo theo tháng thôi. |
| Câu 5: Chị mong muốn nhất điều gì ở phần mềm mới? | Chị mong phần mềm mới có thể lưu trữ được nhiều, thông tin nhập nguyên liệu, vật dụng trong quán phải được lưu lại chi tiết và minh bạch. |
| Câu 6: Chị có muốn tích hợp hệ thống tính lương vào phần mềm sắp tới của mình luôn hay không? | Không. Bên chị có máy chấm công và có trang web riêng để quản lý phân công ca làm cho nhân viên. |

1. Sơ đồ tổ chức cũ của quán cà phê

* Quán Caffee P&T COFFEE vừa mới mở trên đường Hà Huy Giáp, phường Thạnh Lộc, quận 12, chủ yếu kinh doanh các loại cafe, sinh tố, trà, ngoài ra còn bán thức ăn nhẹ như bánh bông lan, bánh kem nhỏ.
* Quản lí cửa hàng được tổ chức như sau: có ba bộ phận chính bao gồm: bộ phận quản lý (nắm giữ vai trò quản lý toàn bộ nhân viên, thực đơn, thu nhập, ...) của quán cafe, bộ phận thu ngân (đồng thời là bộ phận phục vụ, pha chế), bộ phận quản lý kho (đồng thời cũng đảm nhiệm vai trò như là bộ phận kế toán).

|  |
| --- |
|  |
| Hình 2.1 Sơ đồ tổ chức cũ của quán |

1. Chức năng của các tổ trong quán cà phê
   1. Quản lý

* Tổ quản lý có nhiệm vụ quản lý thông tin toàn bộ nhân viên, tính lương cho nhân viên, quản lý thông tin của toàn bộ quán coffee (nguyên liệu đồ uống, thực đơn, số lượng tồn, thông tin nhà cung cấp, ...).
  1. Thu ngân
* Tổ thu ngân bao gồm các nhân viên pha chế và nhân viên phục vụ, có trách nhiệm đặt đồ uống, pha chế và quản lý tiền thu vào cho quán.
  1. Quản lý kho
* Tổ quản lý kho có trách nhiệm quản lý kho của quán caffee bao gồm kiểm tra số lượng tồn của nguyên liệu, quản lý các phiếu nhập nguyên liệu về kho, xử lý các đơn hàng, thanh toán các hóa đơn cho các nhà cung cấp nguyên liệu.

1. Nghiệp vụ của quán cà phê
   1. Nhập nguyên liệu

* Nguyên liệu mới sẽ được nhập về khi nguyên liệu cũ trong quán còn dưới 1/3 so với lượng nguyên liệu nhập từ lần gần nhất. Nhân viên quản lý phụ trách kho sẽ lưu trữ các thông tin vào hệ thống quản lý và lập phiếu chi để thanh toán cho nhà cung cấp.
* Các thông tin bao gồm: Mã nguyên liệu, đơn giá nhập, số lượng nhập, tên nhà cung cấp, ...
  1. Đặt đồ uống cho khách và thanh toán
* Khi khách hàng muốn mua đồ uống (tại quán hoặc mang về), nhân viên sẽ chọn món trên phần mềm.
* Nhân viên yêu cầu khách hàng xuất trình thẻ khuyến mãi (giấy) nếu có. Khi khách hàng có đủ 10 dấu mộc đỏ trên thẻ khuyến mãi, khách hàng sẽ được miễn phí 1 đồ uống trên toàn bộ menu.
  1. Thống kê, báo cáo
* Nhân viên trong tổ quản lý có nhiệm vụ thống kê, lập báo cáo phiếu chi, báo cáo phiếu thu định kì mỗi tháng hoặc theo yêu cầu đặc biệt từ cấp trên.

1. Nhận xét, đánh giá hiện trạng hệ thống

* Hiện nay, việc quản lý tài chính của quán còn nhiều nhọc nhằn và không thống nhất giữa các tổ. Lẽ ra việc quản lý chi tiêu nên chỉ dành ra cho 1 tổ duy nhất đảm nhiệm.
* Việc tích điểm bằng cách đóng mộc vào thẻ giấy cho khách hàng không chuyên nghiệp vì khách hàng dễ làm mất thẻ, chưa kể đến trường hợp một số khách gian lận làm thẻ giả để lừa nhân viên của quán.
* Nghiệp vụ lập báo cáo, thống kê trên phần mềm chỉ có thể lập theo tháng. Nếu cấp trên yêu cầu lập báo cáo theo một khoảng thời gian nhất định, nhân viên sẽ phải thực hiện nghiệp vụ này 1 cách thủ công dựa trên dữ liệu có sẵn của mỗi tháng. Điều đó dẫn đến nhân viên không đáp ứng được kịp thời vì khối lượng tính toán quá lớn, sự nhầm lẫn là không thể tránh khỏi, thêm vào đó trình độ sử dụng các công cụ tin học văn phòng (word, excel) của nhân viên thiếu chuyên nghiệp.
* Mô hình nghiệp vụ của quán sẽ được phân chia lại như sau:

|  |
| --- |
| Untitled Diagram |
| Hình 2.2 định hướng mô hình nghiệp vụ của quán |

* Trong đó:
* Tổ quản lý: quản lý có nhiệm vụ quản lý nhân viên, phân quyền cho các tài khoản nhân viên trên hệ thống và có thể truy cập tất cả các chức năng còn lại.
* Tổ phục vụ: có nhiệm vụ đặt đồ uống, thanh toán, tích điểm, xuất hóa đơn cho khách hàng, quản lý khách hàng thành viên và đảm nhiệm việc pha chế.
* Tổ quản lý kho: nhân viên có nhiệm vụ quản lý thông tin về nguyên liệu trong kho, quản lý phiếu nhập nguyên liệu, lập báo cáo thống kê về số lượng nguyên liệu tồn, nguyên liệu được nhập về nhiều nhất/ít nhất trong tháng. Tổ kế toán: nhân viên cũng có nhiệm vụ quản lý kho nguyên liệu, ngoài ra còn quản lý về tài chính, vấn đề chi thu của quán: lập phiếu chi cho nhà cung cấp, lập báo cáo doanh thu mỗi tuần, tháng, năm.
* Điểm mạnh của mô hình nghiệp vụ mới so với mô hình cũ:
* Người dùng có thể tìm kiếm thông tin chi tiết của khách hàng thành viên, nhân viên, nguyên liệu, nhà cung cấp, hóa đơn, phiếu chi, báo cáo, ... dễ dàng.
* Các báo cáo được lập theo tháng, năm và theo khoảng thời gian mong muốn một cách nhanh chóng và thuận tiện.
* Việc quản lý tài chính, doanh số của quán coffee sẽ dễ dàng hơn. Có sự thống nhất giữa các tổ với nhau.

1. Thiết kế hệ thống
2. Mô hình USE-CASE
   * 1. Lược đồ Use-case

* Lược đồ use-case:

|  |
| --- |
|  |
| Hình 2.3 lược đồ use-case |

* Danh sách các actor của mô hình:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Bảng 2.2 Danh sách Actor | | |
| **STT** | **Actor** | **Ý nghĩa** |
| 1 | Quản lý | Nhân viên quản lý thuộc tổ quản lý của quán coffee |
| 2 | Nhân viên | Nhân viên thuộc tổ phục vụ, tổ quản lý kho và tổ quản lý tài chính |

* Danh sách use-case của mô hình:

|  |  |
| --- | --- |
| Bảng 2.3 danh sách các use-case của mô hình | |
| **STT** | **Use-case** |
| 1 | Đăng kí tài khoản |
| 2 | Đăng nhập tài khoản |
| 3 | Quản lý thông tin khách hàng thành viên |
| 4 | Quản lý thông tin phiếu nhập nguyên liệu mới |
| 5 | Quản lý thông tin nhà cung cấp |
| 6 | Quản lý thông tin đồ uống |
| 7 | Quản lý thông tin phiếu chi |
| 8 | Quản lý thông tin thể loại đồ uống |
| 9 | Quản lý thông tin nguyên liệu |
| 10 | Quản lý thông tin hóa đơn |
| 11 | Quản lý phân quyền |
| 12 | Quản lý thông tin nhân viên |
| 13 | Chọn và đặt đồ uống cho khách hàng |
| 14 | Tra cứu thông tin trong hệ thống |
| 15 | Lập báo cáo tồn theo ngày |

* + 1. Đặc tả use case
* Đặc tả Use-case đăng kí tài khoản

|  |  |
| --- | --- |
| **Tóm tắt** | Mô tả cách người dùng đăng kí tài khoản thành viên |
| **Tác nhân chính** | Người quản lý |
| **Dòng sự kiện** |  |
| **Điều kiện tiên quyết** | Không có |
| **Hậu điều kiện** | Nếu Use-case thành công, người dùng có thể tiến hành bước đăng nhập vào hệ thống. |
| **Điểm mở rộng** |  |

* Đặc tả Use-case đăng nhập tài khoản

|  |  |
| --- | --- |
| **Tóm tắt** | Mô tả cách người dùng đăng nhập vào hệ thống quán cafe |
| **Tác nhân chính** | Nhân viên, quản lý |
| **Dòng sự kiện** |  |
| **Điều kiện tiên quyết** | Không có |
| **Hậu điều kiện** | Nếu Use-case thành công, người dùng có thể thực hiện các tuỳ chọn có trên hệ thống - nếu được cấp quyền |
| **Điểm mở rộng** |  |

* Đặc tả Use-case quản lý thông tin khách hàng thành viên

|  |  |
| --- | --- |
| **Tóm tắt** | Mô tả cách nhân viên quản lý thông tin các khách hàng thành viên của quán. Các xử lý bao gồm thêm, hiệu chỉnh, xóa thành viên ra khỏi hệ thống. |
| **Tác nhân chính** | Quản lý, nhân viên |
| **Dòng sự kiện** |  |
| **Điều kiện tiên quyết** | Nhân viên phải đăng nhập vào hệ thống trước khi use-case bắt đầu. |
| **Hậu điều kiện** | Nếu use-case thành công, thông tin của thành viên được thêm, xóa hoặc sửa trong hệ thống. Ngược lại, trạng thái của hệ thống không thay đổi. |
| **Điểm mở rộng** |  |

* Đặc tả Use-case quản lý thông tin đồ uống

|  |  |
| --- | --- |
| **Tóm tắt** | Mô tả cách nhân viên quản lý thông tin đồ uống. Các xử lý bao gồm thêm, hiệu chỉnh, chuyển đồ uống sang trạng thái không kinh doanh. |
| **Tác nhân chính** | Nhân viên, quản lý |
| **Dòng sự kiện** |  |
| **Điều kiện tiên quyết** | Nhân viên phải đăng nhập vào hệ thống trước khi use-case bắt đầu. |
| **Hậu điều kiện** | Nếu use-case thành công, thông tin của đồ uống được thêm, xóa hoặc sửa trong hệ thống. Ngược lại, trạng thái của hệ thống không thay đổi. |
| **Điểm mở rộng** |  |

* Đặc tả Use-case quản lý thông tin thể loại đồ uống

|  |  |
| --- | --- |
| **Tóm tắt** | Mô tả cách nhân viên quản lý thông tin về các thể loại đồ uống. Các xử lý bao gồm thêm, sửa, xóa thể loại đồ uống ra khỏi hệ thống. |
| **Tác nhân chính** | Nhân viên, quản lý |
| **Dòng sự kiện** |  |
| **Điều kiện tiên quyết** | Nhân viên phải đăng nhập vào hệ thống trước khi use-case bắt đầu. |
| **Hậu điều kiện** | Nếu use-case thành công, thông tin của thể loại đồ uống được thêm, xóa hoặc sửa trong hệ thống. Ngược lại, trạng thái của hệ thống không thay đổi. |
| **Điểm mở rộng** |  |

* Đặc tả Use-case quản lý thông tin hóa đơn

|  |  |
| --- | --- |
| **Tóm tắt** | Mô tả cách người quản lý phân quyền cho nhân viên trong quán cafe. |
| **Tác nhân chính** | Quản lý, nhân viên |
| **Dòng sự kiện** |  |
| **Điều kiện tiên quyết** | Nhân viên phải đăng nhập vào hệ thống trước khi use-case bắt đầu. |
| **Hậu điều kiện** | Nếu use-case thành công, thông tin của nguyên liệu được thêm, xóa hoặc sửa trong hệ thống. Ngược lại, trạng thái của hệ thống không thay đổi. |
| **Điểm mở rộng** |  |

* Đặc tả Use-case quản lý phân quyền

|  |  |
| --- | --- |
| **Tóm tắt** | Mô tả cách quản lý phân quyền cho nhân viên trong quán cafe. |
| **Tác nhân chính** | Quản lý, nhân viên |
| **Dòng sự kiện** |  |
| **Điều kiện tiên quyết** | Quản trị viên phải đăng nhập trước khi thực hiện chức năng phân quyền. |
| **Hậu điều kiện** | Nếu use-case thành công, quản trị viên có thể phân quyền cho tất cả tài khoản thành viên trên hệ thống. |
| **Điểm mở rộng** |  |

* Đặc tả Use-case quản lý thông tin nhân viên

|  |  |
| --- | --- |
| **Tóm tắt** | Mô tả cách quản lý quán coffee xử lý thông tin nhân viên. Các xử lý bao gồm thêm, hiệu chỉnh, xóa nhân viên ra khỏi hệ thống |
| **Tác nhân chính** | Quản lý, nhân viên |
| **Dòng sự kiện** |  |
| **Điều kiện tiên quyết** | Quản lý phải đăng nhập trước khi thực hiện chức năng quản lý thông tin nhân viên |
| **Hậu điều kiện** | Nếu use-case thành công, thông tin của nhân viên được thêm, xóa hoặc sửa trong hệ thống. Ngược lại, trạng thái của hệ thống không thay đổi. |
| **Điểm mở rộng** |  |

* Đặc tả Use-case chọn và đặt đồ uống cho khách hàng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tóm tắt** | Mô tả cách nhân viên đặt món, thanh toán và in hóa đơn cho khách hàng. |
| **Tác nhân chính** | Nhân viên, quản lý |
| **Dòng sự kiện** |  |
| **Điều kiện tiên quyết** | Quản lý phải đăng nhập trước khi thực hiện chức năng quản lý thông tin nhân viên |
| **Hậu điều kiện** | Nếu use-case thành công, thông tin của nhân viên được thêm, xóa hoặc sửa trong hệ thống. Ngược lại, trạng thái của hệ thống không thay đổi. |
| **Điểm mở rộng** |  |

* Đặc tả Use-case tra cứu thông tin trong hệ thống

|  |  |
| --- | --- |
| **Tóm tắt** | Mô tả cách tra cứu thông tin tại các table tính năng của hệ thống |
| **Tác nhân chính** | Nhân viên, quản lý |
| **Dòng sự kiện** |  |
| **Điều kiện tiên quyết** | Quản lý, nhân viên phải đăng nhập trước khi thực hiện chức năng quản lý thông tin nhân viên |
| **Hậu điều kiện** | Nếu use-case thành công, thông tin phù hợp với từ khóa tìm kiếm được hiển thị. Ngược lại, trạng thái của hệ thống không thay đổi. |
| **Điểm mở rộng** |  |

1. Sơ đồ trình tự

* Đăng kí tài khoản

|  |  |
| --- | --- |
| Hình 2.4 sơ đồ trình tự đăng kí người dùng |  |

* Quản lý đăng nhập

|  |  |
| --- | --- |
| Hình 2.5 sơ đồ trình tự đăng nhập |  |

* Quản lý thông tin thành viên

|  |  |
| --- | --- |
| Hình 2.6 sơ đồ trình tự thêm thành viên mới |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Hình 2.7 sơ đồ trình tự chỉnh sửa thông tin thành viên |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Hình 2.8 sơ đồ trình tự xóa thành viên |  |

* Quản lý thông tin đồ uống

|  |  |
| --- | --- |
| Hình 2.9 sơ đồ trình tự thêm thông tin đồ uống |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Hình 2.10 sơ đồ trình tự sửa thông tin đồ uống |  |
| Hình 2.11 sơ đồ trình tự xóa thông tin đồ uống |  |

* Tra cứu thông tin

|  |  |
| --- | --- |
| Hình 2.12 sơ đồ trình tự tra cứu thông tin |  |

* Quản lí thông tin thể loại đồ uống

|  |  |
| --- | --- |
| Hình 2.13 sơ đồ trình tự thêm danh mục đồ uống |  |
| Hình 2.14 sơ đồ trình tự chỉnh sửa danh mục đồ uống |  |
| Hình 2.15 sơ đồ trình tự xóa danh mục đồ uống |  |

* Quản lí phân quyền

|  |  |
| --- | --- |
| Hình 2.16 sơ đồ trình tự thêm vai trò quản trị |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Hình 2.17 sơ đồ trình tự sửa thông tin vai trò |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Hình 2.18 sơ đồ trình tự xóa vai trò |  |

* Quản lí thông tin hóa đơn

|  |  |
| --- | --- |
| Hình 2.19 sơ đồ trình tự thêm hóa đơn |  |
| Hình 2.20 sơ đồ trình tự chỉnh sửa thông tin hóa đơn |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Hình 2.21 sơ đồ trình tự xóa hóa đơn |  |

* Lập báo cáo doanh thu

|  |  |
| --- | --- |
| Hình 2.22 sơ đồ trình tự lập báo cáo danh thu |  |

1. Thiết kế cơ sở dữ liệu

|  |
| --- |
|  |
| Hình 2.23 mô hình các bảng cơ sở dữ liệu |

* Cấu trúc cơ sỡ dữ liệu

|  |
| --- |
|  |
| Hình 2.24 mô hình cấu trúc của cơ sở dữ liệu |

1. Thiết kế giao diện

* Danh sách các giao diện chính của trang web:

|  |  |
| --- | --- |
| Bảng 2.4 danh sách các giao diện chính của web | |
| **STT** | **Tên Trang** |
| 1 | Trang đăng ký |
| 2 | Trang đăng nhập của quản trị viên |
| 3 | Trang đăng nhập của khách hàng |
| 4 | Trang chủ quản trị |
| 5 | Trang thêm thành viên |
| 6 | Trang quản lý phân quyền |
| 7 | Trang sửa phân quyền |
| 8 | Trang quản lý đồ uống |
| 9 | Trang thêm đồ uống mới |
| 10 | Trang quản lý đơn hàng |
| 11 | Trang chủ mua hàng |
| 12 | Trang xem thông tin chi tiết sản phẩm |
| 13 | Trang xem chi tiết giỏ hàng |
| 14 | Trang đặt hàng |
| 15 | Trang xem danh sách các đơn hàng đã đặt |
| 16 | Trang xem thông tin chi tiết từng đơn hàng |
| 17 | Trang lập báo cáo doanh thu |
| 18 | Trang xem thông tin đơn hàng đã đặt |
| 19 | Trang sản phẩm khuyến mãi |
| 20 | Trang quản lí khách hàng |

CHƯƠNG 3 – CÀI ĐẶT

1. Cơ sở dữ liệu

* Cơ sở dữ liệu được xây dựng bằng ngôn ngữ MySQL với hệ quản trị PhpMyAdmin.

|  |
| --- |
|  |
| Hình 3.1 cấu trúc cơ sở dữ liệu |
|  |
| Hình 3.2 Cấu trúc các bảng dữ liệu |

1. Giao diện người dùng
   1. Trang chủ

|  |
| --- |
|  |
| Hình 3.3 giao diện trang chủ của website |

* 1. Trang sản phẩm mới

|  |
| --- |
|  |
| Hình 3.4 giao diện hiển thị các sản phẩm mới |

* 1. Trang các sản phẩm bán chạy

|  |
| --- |
|  |
| Hình 3.5 trang hiển thị các sản phẩm bán chạy |

* 1. Trang khuyến mãi

|  |
| --- |
|  |
| Hình 3.6 giao diện hiển thị các sản phẩm bán chạy |

* 1. Trang sản phẩm theo danh mục

|  |
| --- |
|  |
| Hình 3.7 giao diện hiển thị các sản phẩm theo danh mục |

* 1. Trang giỏ hàng

|  |
| --- |
|  |
| Hình 3.8 giao diện hiển thị các sản phẩm trong giỏ hàng |

* 1. Trang thông tin thanh toán

|  |
| --- |
|  |
| Hình 3.9 giao diện thông tin thanh toán |

* 1. Trang đăng ký khách hàng

|  |
| --- |
|  |
| Hình 3.10 giao diện đăng ký khách hàng |

* 1. Trang đăng nhập khách hàng

|  |
| --- |
|  |
| Hình 3.11 giao diện đăng nhập thành viên |

1. Giao diện quản lí
2. Trang đăng nhập quản lí

|  |
| --- |
|  |
| Hình 3.12 giao diện trang đăng nhập quản lí |

1. Trang chủ

|  |
| --- |
|  |
| Hình 3.13 giao diện trang chủ quản lí |

1. Trang danh mục sản phẩm

|  |
| --- |
|  |
| Hình 3.14 danh mục sản phẩm |

1. Trang thêm danh mục mới

|  |
| --- |
|  |
| Hình 3.15 thêm mới danh mục |

1. Trang sản phẩm

|  |
| --- |
|  |
| Hình 3.16 trang thông tin sản phẩm |

1. Trang thêm sản phẩm mới

|  |
| --- |
|  |
| Hình 3.17 giao diện thêm mới sản phẩm |

1. Trang quản lí Slide

|  |
| --- |
|  |
| Hình 3.18 quản lí các slide |

1. Trang đơn đặt hàng

|  |
| --- |
|  |
| Hình 3.19 quản lí các đơn hàng |

1. Trang xử lí đơn hàng

|  |
| --- |
|  |
| Hình 3.20 xử lí đơn hàng |

1. Trang quản lí khách hàng

|  |
| --- |
|  |
| Hình 3.21 giao diện quản lí thông tin khách hàng |

1. Trang quản lí nhân viên

|  |
| --- |
|  |
| Hình 3.22 giao diện quản lí thông tin nhân viên |

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lập trình web với PHP – Khuất Thùy Phương
2. Lập trình viên mã nguồn mở - ĐHQG TPHCM
3. Expert MySQL (Expert's Voice in Databases) 2nd Edition - Kindle Edition
4. Mastering Bootstrap 4 - Benjamin Jakobus, Jason Marah
5. Pro PHP MVC (Expert's Voice in Open Source) 1st - Chris Pitt
6. Code Your Own PHP MVC Framework - Chris\_Yu (24 Feb 2016)